TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày 21-9-2020
"V/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng VN với ông Q và bà T*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Phương;

2.Ông Nguyễn Duy Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai -Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST–DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXX -DS ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP VN; Địa chỉ trụ sở: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân, theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hộ đồng quản trị

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Cao Duy T - Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Phạm Minh Đ – Chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền số 110919 ngày 11/9/2019 của VN.

- ***Bị đơn***: Ông Vũ Ngọc Q sinh năm 1986 và bà Trần Thị Thu T sinh năm 1992; cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt ông Đ; vắng mặt ông Q và bà T – có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa ông Phạm Minh Đ - đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T là vợ chồng có ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần VN, chi nhánh Thái Bình, hợp đồng tín dụng số 2997808 (LD 1506900517) ngày 10/3/2015 và hợp đồng tín dụng số 6083389 (LD 1602001225) ngày 20/01/2016. Theo đó, ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T có vay của VN tổng số tiền 475.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VN. Cụ thể như sau:

1.Hợp đồng tín dụng số 2997808 (LD 1506900517) ngày 10/03/2015:

- Số tiền vay: 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 72 tháng; Lãi suất: 11,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần ngày đầu tiên điều chỉnh là 01/07/2015, biên độ 4%/năm; Lãi suất quá hạn = lãi trong hạn x150%. Tiền gốc và lãi trả dần theo quy định, bắt đầu tính lãi từ ngày 10/3/2015; Mục đích: Thanh toán tiền mua ô tô con HUYNDAI AVANTE AT1.6 màu trắng mới 100%.

- Tài sản đảm bảo: ô tô con HUYNDAI AVANTE AT1.6 màu trắng mới 100%, số khung: RLUDT41BBEN007227, số máy: G4FCDU850449, biển kiểm soát: 17A-040.14 đăng ký xe mang tên ông Vũ Ngọc Q. Chi tiết như hợp đồng thế chấp số 2997808 ký ngày 10/03/2015 và đăng kí giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông Q và bà T bắt đầu trả tiền lãi từ ngày 19/4/2015, trả tiền gốc từ ngày 09/5/2015 tính đến ngày 08/5/2016 đã trả được: tiền gốc 52.389.840 đồng (*Năm mươi hai triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng*) và tiền lãi 50.315.883 đồng (*Năm mươi triệu ba trăm mười lăm nghìn tám trăm tám mươi ba đồng*). Bắt đầu từ ngày 09/5/2016 ông Q và bà T không trả gốc và lãi theo kỳ hạn thanh toán nên phải chịu lãi suất nợ quá hạn từ ngày 09/5/2016 cho khoản vay này. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/9/2020), ông Q và bà T còn nợ tiền gốc 347.610.160 đồng, lãi quá hạn 288.018.378 đồng, tiền phạt 122.877.912 đồng. Tổng cộng phải trả là 758.506.450 đồng (*Bảy trăm năm mươi tám triệu năm trăm linh sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng*)

2.Hợp đồng tín dụng số 6083389 (LD 1602001225) ngày 20/01/2016:

- Số tiền vay: 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*); Lãi suất: 19%/năm, cố định 3 tháng sau đó điều chỉnh 1 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên ngày 20/04/2016, biên độ +12%/năm; Lãi quá hạn = lãi suất trong hạn x150%. Tiền lãi và gốc trả dần theo quy định, bắt đầu tính lãi từ ngày 20/01/2016; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích: mua sắm dụng cụ gia đình. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo (tín chấp).

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông Q và bà T bắt đầu trả tiền lãi từ ngày 26/02/2016 và trả tiền gốc từ ngày 19/3/2016. Tính đến ngày 18/5/2016 ông Q

và bà T đã trả được: tiền gốc 17.438.688 đồng (*Mười bẩy triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng*) và lãi 3.424.585 đồng (*Ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng*). Bắt đầu từ ngày 19/5/2016 ông Q và bà T không trả gốc và lãi theo kỳ hạn thanh toán nên phải chịu lãi suất nợ quá hạn từ ngày 19/5/2016 cho khoản vay này. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông Q và bà T phải thanh toán cho VN số tiền gốc 57.561.312 đồng, lãi quá hạn 74.404.298 đồng, phạt vi phạm 49.050.581 đồng. Tổng cộng 181.016.190 đồng (*Một trăm tám mươi mốt triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi đồng*).

Từ khi ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VN, VN đã dùng nhiều biện pháp đôn đốc để ông Q và bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có hiệu quả nên ông Q và bà T phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày vi phạm hợp đồng, tính đến ngày ngày 21/9/2020 ông Q và bà T phải thanh toán cho VN cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 2997808, số tiền phải trả là 758.506.450 đồng; Hợp đồng số số 6083389 ngày 20/01/2016, số tiền phải trả là 181.016.190 đồng. Tổng cộng của hai hợp đồng 939.522.641 đồng (*Chín trăm ba mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng*). Tại phiên tòa VN rút yêu cầu về khoản tiền tiền phạt vi phạm đối với hai khoản vay trên là 122.877.912 đồng + 49.050.581 đồng = 171.928.493 đồng (*Một trăm bẩy mươi mốt triệu chín trăm hai mươi tám ngìn bốn trăm chín mươi ba đồng*). Như vậy ông Q và bà T chỉ phải thanh toán cho VN số tiền là 767.594.148 đồng (*Bẩy trăm sáu mươi bẩy triệu năm trăm chín mươi tư nghìn một trăm bốn mươi tám nghìn*). Trường hợp ông Q và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho VN thì VN có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là 01 ô tô con HUYNDAI AVANTE AT1.6 màu trắng mới 100%, số khung: RLUDT41BBEN007227, số máy: G4FCDU850449, biển kiểm soát: 17A- XXXX đăng ký mang tên ông Vũ Ngọc Q, VN được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Q và bà T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo bản án của Tòa án cho đến khi ông Q và bà T thực hiện hết nghĩa vụ với VP Bank.

Tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ông Q và bà T trình bày: Ông Q và bà T là vợ chồng, xác nhận thời gian vay, số tiền vay, mức lãi suất cũng như quá trình thực hiện hợp đồng và thời gian vi phạm hợp đồng là đúng. Ông bà còn xác nhận kể từ khi vi phạm hợp đồng VN đã dùng nhiều biện pháp để đông đốc ông bà thực hiện nghĩa vụ nhưng ông bà vẫn không thực hiện. Hiện tại, chiếc xe ô tô dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ông bà vẫn đang quản lý.

Nay VN khởi kiện yêu cầu ông bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ và xử lý tài sản thế chấp ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa*:**

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên đại diện Viện kiểm sát không phát biểu về việc chấp hành pháp luật của bị đơn.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 và 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 121, 122, 471, 474, 342, 343, 348, 351, 355 và 323 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của VN về việc yêu cầu ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T trả số toàn bộ số tiền phạt chậm trả, tính đến ngày 21/9/2020 là 171.928.493 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VP Bank, buộc ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho VN, cho cả hai khoản vay tính đến ngày 21/9/2020 là 767.594.148 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 22/9/2020 cho đến ngày ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T thực tế thanh toán hết nợ cho VN. Trường hợp ông Q và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho VN thì VN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 ô tô con màu trắng nhãn hiệu HUYNDAI AVANTE AT1.6 màu trắng mới 100%, số khung: RLUDT41BBEN007227, số máy: G4FCDU850449, biển kiểm soát: 17A- XXXX đăng ký mang tên ông Vũ Ngọc Q. VN được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Q và bà T để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo bản án của Tòa án cho đến khi ông Q và bà T hết nghĩa vụ với VN; Về án phí: bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: VN khởi kiện yêu cầu ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 2997808 (LD 1506900517) và số 6083389 (LD 1602001225) đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã M,

huyện P, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q và bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng giải Q tranh chấp: Thời gian ký kết các hợp đồng tín dụng giữa VP Bank với ông Nguyễn Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T và thời gian vi phạm hợp đồng của ông Q và bà T vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 còn hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải Q tranh chấp là phù hợp. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, buộc các bên phải thực hiện.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu trả nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng số 2997808 ngày 10/03/2015, VP Bank đã cho ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T vay số tiền là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) đã trả được 52.389.840 đồng, còn phải trả là 347.610.160 đồng. Theo hợp đồng tín dụng số 6083389 ngày 20/01/2016 VP Bank đã cho ông Q và bà T vay số tiền là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*), đã trả được 17.438.688 đồng, còn phải trả là 57.561.312 đồng. VN yêu cầu ông Q và bà T phải trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là tính đến ngày 21/9/2020 là 405.171.472 đồng nên buộc ông Q và bà T phải thanh toán khoản nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 405.171.472 đồng cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Về yêu cầu trả nợ lãi:

Theo Hợp đồng tín dụng số 2997808 ngày 10/03/2015: Số tiền vay gốc 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 72 tháng; Lãi suất: 11,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần ngày đầu tiên điều chỉnh là 01/07/2015, biên độ 4%/năm; Lãi suất quá hạn = lãi trong hạn x150%. Ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T mới trả được tiền lãi 50.315.883 đồng. Kể từ ngày 09/5/2016 ông Q và bà T phải chịu lãi suất nợ quá hạn, tính đến ngày 21/9/2020 số tiền lãi mà ông Q và bà T phải trả là 288.018.378 đồng (*Hai trăm tám mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*).

Theo Hợp đồng tín dụng số 6083389 ngày 20/01/2016: Số tiền vay: 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*); Lãi suất: 19%/năm, cố định 3 tháng sau đó điều chỉnh 1 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên ngày 20/04/2016, biên độ +12%/năm; Lãi quá hạn = lãi suất trong hạn x150%. Kể từ ngày 19/5/2016 ông Q và bà T phải chịu lãi suất nợ quá hạn, tính đến ngày

21/9/2020, số tiền lãi mà ông Q và bà T phải trả là 74.404.298 đồng (*Bẩy mươi tư triệu bốn trăm linh bốn nghìn hai trăm chín mươi tám đồng*).

Ngân hàng VN yêu cầu ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T phải trả tổng số tiền nợ lãi của 02 hợp đồng đến ngày 21/9/2020 là 362.422.676 đồng (*Ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm bẩy mươi sáu đồng*) là cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị Q 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

VP Bank không yêu cầu ông Q và bà T thanh toán khoản tiền phạt chậm trả đối với hai khoản nợ trên nên đình chỉ giải Q yêu cầu này của VN là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Xét Hợp đồng cấp tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 2997808 ngày 10/03/2015 và hợp đồng thế chấp kèm theo có tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô con màu trắng, HUYNDAI AVANTE AT1.6 màu trắng mới 100%, số khung: RLUDT41BBEN007227, số máy: G4FCDU850449, biển kiểm soát: 17A-XXXX đăng ký mang tên ông Vũ Ngọc Q; Giấy chứng nhận đăng kí xe số 002762 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 09/3/2015 đứng tên ông Vũ Ngọc Q. Chi tiết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2997808 giữa VN với ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T cùng các giao dịch đảm bảo theo quy định. VN yêu cầu: trường hợp ông Q và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho VN thì VN có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thanh toán nghĩa vụ trả nợ; VN được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Q và bà T để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi ông Q và bà T hết nghĩa vụ với VN. Xét thấy, ông Q và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên VN có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định tại Điều 323, Điều 342, Điều 348, Điều351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là VN được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 471, 474, 342, 343, 348, 351, 355 và 323 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng VN đối với ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T về việc thực hiện Hợp đồng tín dụng số 2997808 (LD 1506900517) ngày 10/3/2015 cùng khế ước nhận nợ 2997808 ngày 10/3/2015 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6083389 (LD 1602001225) ngày 20/01/2016.

2. Buộc ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng TMCP VN tổng số tiền tính đến ngày 21/9/2020 là 767.594.148 đồng (*Bảy trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi tư nghìn một trăm bốn mươi tám nghìn*). Trong đó: số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 2997808 là 635.628.538 đồng, gồm: nợ gốc: 347.610.160 đồng, tiền lãi: 288.018.378; số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 6083389 ngày 20/01/2016 là 131.965.610 đồng, gồm nợ gốc: 57.561.312 đồng, tiền lãi: 74.404.298 đồng.

Kể từ ngày 22/9/2020, ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của VN thì lãi suất mà ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng VN theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của VN.

3. Trường hợp ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng VN có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con màu trắng, HUYNDAI AVANTE AT1.6 màu trắng mới 100%, số khung RLUDT41BBEN007227, số máy G4FCDU850449, biển kiểm soát: 17A-XXXX đăng ký mang tên ông Vũ Ngọc Q. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản

thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng VN, VN được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi ông Q và bà T hết nghĩa vụ với VN.

4.Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VN về việc yêu cầu ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T phải thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm của hai hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày là 171.928.493 đồng (*Một trăm bẩy mươi mốt triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*).

5. ***Về án phí***:

Ông Vũ Ngọc Q và bà Trần Thị Thu T phải chịu 34.703.765 đồng (*Ba mươi tư triệu bẩy trăm linh ba nghìn bẩy trăm sáu mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại Ngân hàng VN số tiền 18.958.000 đồng (*Mười tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0004424 ngày 15/6/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ …… phút, ngày 17 tháng 7 năm 2020

Tại Phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- ***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huề và ông Đỗ Đức Nhân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST- DS, ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (viết tắt là VN. Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị VN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân - Ngân hàng TMCP VN, theo văn bản uỷ quyền số 11/2018/UQ – HĐQT ngày 02/3/2018 của chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Tùng – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Đại diện của Ngân hàng TMCP VN, theo văn bản ủy quyền số: 8193/2019/UQ -VPB ngày 19/11/2019 của ông Phạm Tuấn Anh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Sơn Đồng, xã Quỳnh Giao, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị Q số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu Q: 3/3.

II. Các vấn đề Q định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP VN đối với ông Nguyễn Văn Tiến về việc thực hiện Hợp đồng tín dụng số: LN1705170057170 (LD1714401328) ngày 23/05/2017 và khế ước nhận nợ LN1705170057170 ngày 24/05/2017 và Hợp đồng tín dụng số: LD1715100856 ngày 31/5/2017 theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/ VN0010338/201705/34 ngày 25/5/2017.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Tiến phải trả cho Ngân hàng TMCP VN tổng số tiền tính đến ngày 18/6/2020 là: 500.986.607 đồng. Trong đó: số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số LN1705170057170 là 442.744.101 đồng, gồm: nợ gốc: 314.459.136 đồng, tiền lãi: 116.531.321 đồng, phạt chậm trả lãi: 11.753.644 đồng; số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: LD1715100856 ngày 31/5/2017 là 58.242.506 đồng, gồm nợ gốc: 36.650.512 đồng, tiền lãi: 19.652.716 đồng, phạt chậm trả lãi: 1.939.278 đồng.

Kể từ ngày 19/6/2020, ông Nguyễn Văn Tiến còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Hợp đồng cấp tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP VN thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn Tiến phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP VN theo Q định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP VN.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn Tiến không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP VN có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con màu trắng, nhãn hiệu KIA RIO; số khung 412AG6089719; Số máy G4FAGS123916; Biển kiểm soát: 17A – 079.82. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Tiến tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP VN. VP Bank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Tiến để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi ông Nguyễn Văn Tiến hết nghĩa vụ với VN.

4. ***Về án phí***:

Ông Nguyễn Văn Tiến phải chịu 24.039.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và phải trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.000.000 đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP VN số tiền 11.000.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0004255 ngày 25/12/2019 (ngày giao biên lai: 16/01/2020).

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu Q: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 17 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Hoàng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THADS Quỳnh Phụ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN HUY HOÀNG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**